

Đôi điều về biên chép kinh Hoa Nghiêm của người xưa

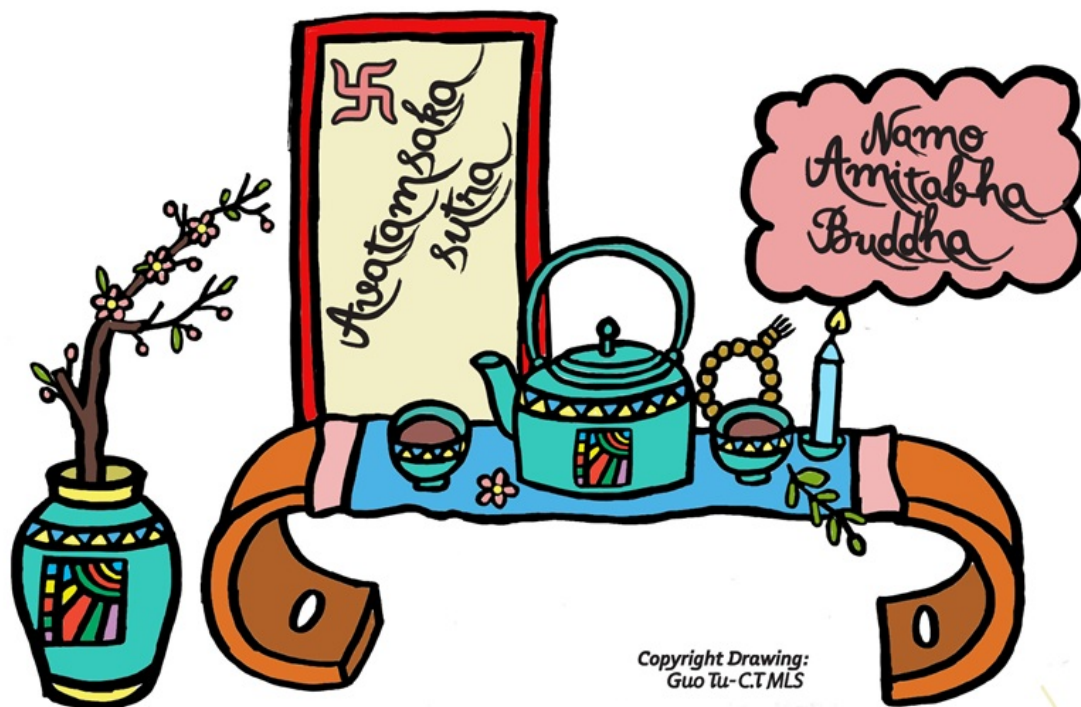
ISSN: 2734-9195 17:09 15/09/2026

Việc tôn trọng, cung kính kinh Phật, chép kinh Phật một cách trân trọng đã được thể hiện từ thời xa xưa và rất đáng để chúng ta noi theo, học tập.

Từ xa xưa, việc biên chép kinh Hoa Nghiêm đã được thực hiện rất nghiêm cẩn, cung kính: Dùng nước thơm hòa mực để chép kinh Hoa Nghiêm, rồi phải thanh tịnh thân tâm, tụng kinh hành đạo... chuẩn bị đầy đủ hương thơm, vật dụng sạch sẽ, đồ tắm, y phục mới, dùng giấy lụa, chữ nhũ vàng... để chép các bộ kinh quý này.

An Phong Vương Diên Minh và Trung Sơn Vương Nguyên Hy: Diên Minh và Nguyên Hi đều thuộc dòng Tôn thất đời Ngụy [tức Bắc Ngụy (386-534), còn gọi là Hậu Ngụy, Nguyên Ngụy thời Nam Bắc triều, do Đạo Vũ Đế Thác Bạt Khuê sáng lập], thông hiểu chuyện xưa, có học vấn và tri thức.

Hai ông cùng lập đạo tràng, thay nhau giảng pháp. Cả hai lại dùng nước thơm hòa mực để chép 100 bộ kinh Hoa Nghiêm.



Hình minh họa được cung cấp bởi tác giả

Đặc biệt, hai ông đã chép một bộ kinh Hoa Nghiêm chữ nhũ vàng trên lụa trắng. Tất cả đều đặt trong “rương tứ bảo” [Theo kinh A-di-đà và luận Đại Trí Độ, bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha-lê, xa cừ, xích châu, mã não] và “hòm ngũ hương” [Đó là Trầm thủy hương, Bạch đàn hương, Tử đàn hương, Ta la hương và Thiên mộc hương].

Vào đêm khuya vắng lặng, hai ông thanh tịnh thân tâm, tụng kinh hành đạo. Bảy giờ, thường có luồng “ánh sáng 5 sắc” [Xanh, vàng, đỏ, trắng và đen] phóng ra, chiếu rọi cả nhà. Mọi người đều thấy, càng tin sâu kinh Hoa Nghiêm là linh diệu.

Thích Đức Viên: Sư người Thiên Thủy, xuất gia từ thuở nhỏ, ông thường chọn kinh Hoa Nghiêm làm pháp tu.

Ông lấy việc tụng kinh, tham thiền làm thường khóa. Sư tham học khắp các đạo tràng, tỏ ngộ được lý cùng tốt. Lại kính nghĩ Hoa Nghiêm là bộ kinh uyên áo.

Muốn tỏ lòng chí thành với kinh, Sư bèn tạo một khu vườn thanh tịnh, trồng cây dó [Vỏ dùng làm giấy] và các hoa cỏ thơm.

Từ đó, hàng ngày, sau khi tắm gội sạch sẽ, Sư vào vườn, tưới nước thơm cho cây.

Suốt 3 năm, cây dó lớn lên, tỏa hương thơm ngát.

Bấy giờ, Sư dựng riêng một tịnh thất, dùng đất thơm trát vách, đắp nền. Rồi sư chuẩn bị đầy đủ hương thơm, vật dụng sạch sẽ, đồ tắm, y phục mới.

Những người thợ được mời cũng phải trai giới, khi ra vào phải thay y phục, súc miệng, rửa tay, xông hương.

Rồi mới lột lấy vỏ cây ngâm vào nước trầm để chế tạo thành giấy, trộn một năm mới xong.

Sư lại đắp một nền khác để làm căn phòng mới, mà toàn bộ cột kèo, rui mè cho đến ngói lợp cũng đều rửa bằng nước thơm. Mọi việc đều tinh khiết, nghiêm cẩn.

Trong căn phòng ấy, Sư bố thí một tòa được làm bằng gỗ bách khảm ngà voi, chung quanh bày biện hương hoa.

Phía trên có treo lọng báu và chuông gió. Bàn kinh được làm bằng gỗ bạch đàn, kết rèm xen với lưu tô, tử trầm. Bên cạnh là cái án bày đầy bút nghiên.

Người viết kinh hàng ngày phải giữ giới nghiêm tịnh, tắm 3 lần bằng nước thơm, mặc y mới, đội hoa quan [Vòng hoa trang sức trên đầu], giống như người cõi trời, rồi mới vào phòng chép kinh.

Hai bên đường vào phòng chép kinh, có đốt hương thơm ngát và xướng tụng Phạm âm. Bấy giờ, Sư cũng đắp y trang nghiêm, bung lư hương, cung kính dẫn đường, rải hoa cúng dường, rồi mới chép kinh.



Hình minh họa được cung cấp bởi tác giả

Sư quỳ gối dốc lòng, định thần chú ý. Mới chép được vài hàng, mỗi chữ đều phóng hào quang chiếu sáng cả căn nhà. Hồi lâu thì hào quang này mới tắt.

Thấy vậy, mọi người đều rất cảm động. Có khi còn cảm đến Thần nhân hiện hình cảm kích bảo vệ. Nhưng chỉ Sư và người chép kinh trông thấy.

Lại có một đồng tử cõi trời Phạm mặc áo xanh, tay cầm hoa trời, không biết từ đâu, chợt đến cúng dường.

Những chuyện linh cảm xảy ra liên tiếp. Trải qua hai năm mới chép xong kinh. Sư lại xếp kinh vào chiếc hộp hương, màn báu phủ quanh, đặt trong tịnh thất, thường vào lễ bái.

Một hôm, Sư đang đọc tụng, thì chiếc hộp phát ra ánh sáng lạ. Việc giữ thanh tịnh và cung kính kinh điển, cũng như những điềm lành ứng hiện như vậy, xưa nay thật hiếm có.

Đến nay, kinh này lần lượt truyền trao qua năm đời mà người sau vào tịnh thất tụng kinh vẫn còn linh cảm.

Hiện kinh được lưu giữ, cúng dường ở chỗ sư Hiền Thủ tại chùa Tây Thái Nguyên (tức Ngụy Quốc Tây Tự).

Thích Pháp Thành: Sư họ Phần, người huyện Vạn Niên, Ung Châu, Trung Quốc.

Sư xuất gia từ thuở nhỏ, lấy việc tụng kinh Hoa Nghiêm làm sự nghiệp.

Nhân gặp thiền sư Huệ Siêu là người đức hạnh cao vời, ẩn cư chốn thâm sơn, Sư thâm biết mình có duyên, liền từ bỏ nơi ồn náo, chí thành đến thỉnh giáo.

Sau Sư lập “Hoa Nghiêm đường” trên đỉnh núi phía Nam của chùa. Ngói và vách của ngôi nhà được làm bằng đất trộn nước thơm do đích thân Sư nhồi đập tự làm.

Trang trí phòng ốc xong, Sư lau sạch họa tượng Thất xứ Bát hội, lại đến mời một người viết chữ đẹp lúc bấy giờ là học sĩ Trương Tĩnh ở Hoàng Văn quán.

Khi mọi việc đã thanh tịnh, mới cung kính biên chép kinh văn. Bấy giờ, Sư bùng lư hương nhất tâm cúng dường, cho đến mỗi chấm mỗi nét cũng đều định thần chú tâm.

Sư phải trả phí rất trọng, 2 trang đến 500 tiền.

Chuyện này cảm ứng đến một con chim quý có hình sắc lạ thường, ngậm cành hoa bay vào nhà, từ từ lượn quanh, rồi đáp xuống bàn kinh.

Kế đó lại bay đến lư hương. Những ngày chép kinh kế tiếp, chim lại bay đến. Chép xong, Sư đặt kinh vào hộp thơm, màn báu vây quanh, trang trí rất đẹp.

Từ đó về sau, những người chuyên tâm đọc tụng, phần nhiều có cảm ứng, linh nghiệm.

Thiền sư Thích Tu Đức: Sư người Trung Sơn, Định Châu, sống vào đời Đường (618-907), Trung Quốc.

Sư bản tính ưa khắc khổ, ẩn cư nơi núi rừng, chuyên tâm tu tập theo kinh Hoa Nghiêm và luận Đại Thừa Khởi Tín.

Đồng thời sư cũng nhiếp niệm tu thiền.

Vào năm Vĩnh Huy thứ 4 (653), nhân kính tin kinh Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm, Sư phát đại tâm, dốc lòng sao chép kinh.

Do đó, Sư ở riêng trong một tịnh viện, trồng cây dó và các loại thảo dược. Suốt 3 năm sư tưới cây bằng nước thơm.

Sau đó, bóc lấy vỏ chế tạo thành giấy. Sư lại xây thêm một tĩnh thất, mời người viết chữ đẹp Vương Cung ở Ngụy Châu về ở nơi ấy.

Hàng ngày giữ trai giới, tắm gội, thay y phục, đốt hương, rải hoa, treo bảo cái, lễ kinh sám hối, rồi mới lên tòa chép kinh.

Mỗi lần ông ta đặt bút thì ngậm hương, nhắc bút mới thở ra; ngày ngày như thế, tinh cần không biếng trễ.

Còn Sư thì đích thân vào tịnh thất, chí thành đốt hương, chú tâm theo dõi từng nét bút, như thế cho đến khi chép xong.

Cứ mỗi quyển, Sư trả công 10 xấp lụa, đến hoàn tất trọn bộ thì tính hơn 600 xấp lụa.

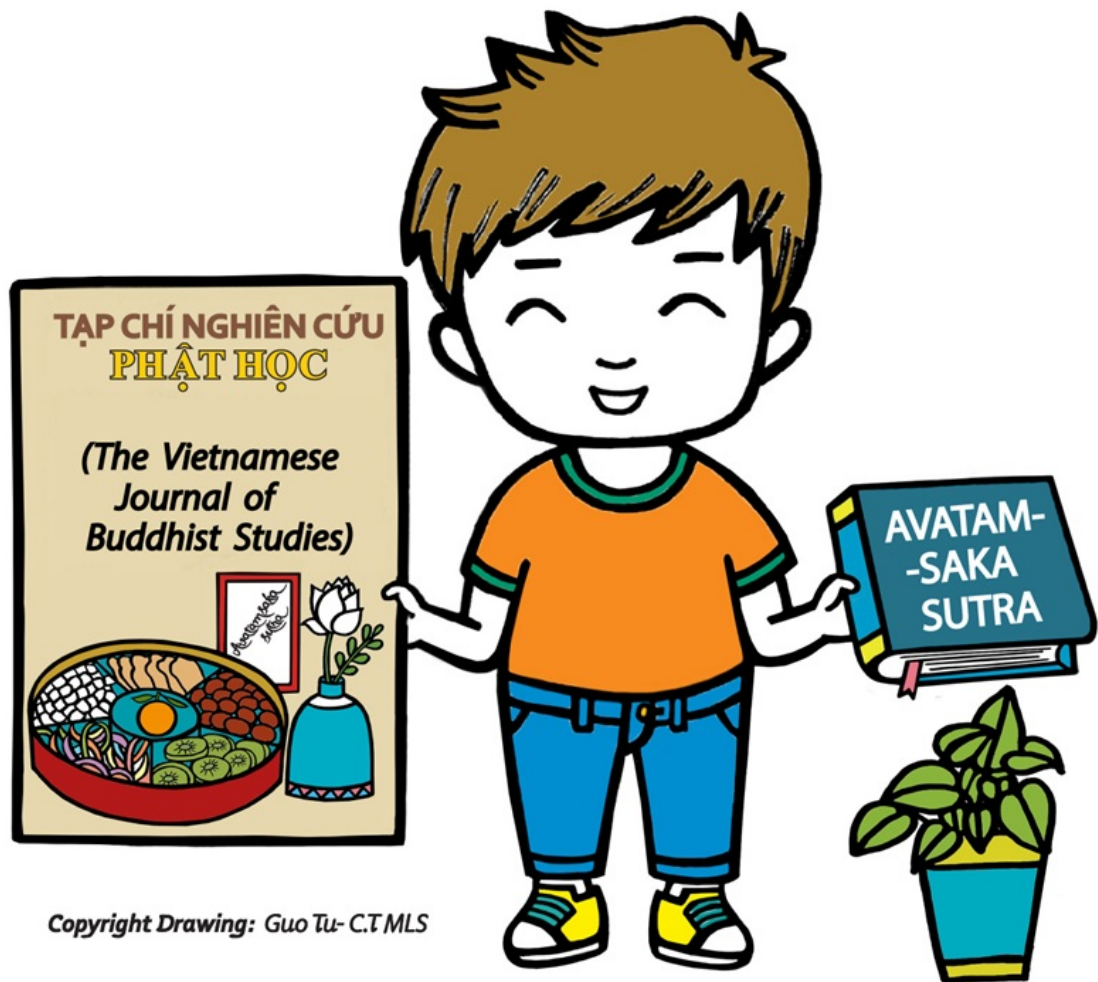
Nhưng Vương Cung phát tâm cúng dường.

Do tâm trí lao khổ, khiến sức cùng lực kiệt, nên vừa chép kinh xong, thì ông cũng qua đời.

Sư mở trai đàn tạ lễ việc chép kinh hoàn mãn, mọi người đều cầu mong được lễ bái và chiêm ngưỡng.



Copyright Drawing:
Guo Tu- C.TMLS



Hình minh họa được cung cấp bởi tác giả

Trước chúng, Sư đốt hương, rải hoa và phát nguyện rộng lớn. Vừa mở hộp kinh, ánh sáng phóng ra, tỏa ra xa hơn 70 dặm, chiếu sáng đến thành Định Châu.

Trai gái trong thành đều trông thấy.

Đại chúng ở Trung Sơn thấy việc này, đều cho là điều chưa từng có, nên gieo mình xuống đất, than khóc sám hối.

Sư lại khắc kinh Niết-bàn, Pháp Hoa lên đá, mỗi loại một bộ. Vừa đưa vào tôn trí trong rương, hai bộ kinh này liền phóng ánh sáng, tỏa khắp hơn 10 dặm. Mọi người thấy vậy, đều vô cùng cảm ngộ.

Tôn Tư Mạc: Ông là người Vĩnh An, Ung Châu, sống vào đời Đường (618-690). Ông có thần thái cao khiết, dung mạo khôi ngô, thân cao 7 thước, mắt sáng, mày thưa, học thông nội ngoại điển [Kinh sách nhà Phật và Bách gia chư tử], giỏi y thuật, rành âm dương, thuật số, thiên văn, lịch pháp và bói toán.

Ông còn giỏi dưỡng thần, thích đan dược. Do thường dùng Lưu châu đan và Vân mẫu phấn, nên da dẻ hồng hào, răng tóc nguyên vẹn.

Tương truyền, Ông đã hơn 100 tuổi mà tướng mạo như chừng bảy tám mươi. Năm Nghĩa Ninh thứ 2 (618), lúc Đường Cao Tổ (Lý Uyên, 618-626) khởi nghĩa ở Tinh Châu, ông cũng đang ở đó.

Biết ông là người uyên bác, Cao Tổ lấy lễ mà đối đãi, phong chức Quân đầu, cấp hàm Tứ phẩm, nhưng ông một mực từ chối.

Về sau, ông chu du khắp nơi, tùy thời tùy lúc giúp ích cho đời, nhưng chuyên lấy y thuật làm sự nghiệp.

Hễ có người đến hỏi bệnh, ông đều cứu chữa. Ngoài ra, ông còn khuyên mọi người chép được hơn 750 bộ kinh Hoa Nghiêm.

Trong khoảng niên hiệu Thượng Nguyên (674-676) đến niên hiệu Nghi Phượng (676-679), ông sống ở 2 huyện Trường An và Vạn Niên.

Tại đây, ông thường nói chuyện về các nhân vật Tề, Ngụy hay cố đô Lạc Dương. Các quan trong thành và tăng chúng các chùa đều chứng kiến việc này, nhưng khi hỏi thì ông tuyệt nhiên không nói.

Ông có soạn bộ sách nói về diệu thuật của các danh y xưa nay, đặt tên là “Tôn Thị Thiên Kim Phương”, gồm 60 quyển, được đương thời sử dụng.

Khi ông dâng lên Cao Tổ, Cao Tổ ban thưởng gấm lụa, nhưng ông kiên quyết từ chối. Bấy giờ, vua triệu ông vào cung và tiếp đãi rất ưu ái suốt một tháng.

Có lần, vua Cao Tông [Lý Trị, 649-683)] ung dung hỏi ông:

- Tu công đức gì là tốt nhất?

Mặc trả lời:

- Tâu Hoàng thượng, không gì bằng “tụng KINH HOA NGHIÊM”.

Vua hỏi:

- Tại sao?

Mặc đáp:

- Hoàng thượng là “bậc Đại nhân, phải tụng Đại kinh”. Thí dụ như “Vật báu thì phải đựng trong hòm quý” mới tương xứng.

Vua nói:

- Nếu luận về Đại kinh, thì gần đây có bộ Đại Bát-nhã 600 quyển, do pháp sư Huyền Tráng dịch, há không phải là Đại sao?

Mạc nói:

- Bát-nhã Không tông là ngọn ngành, được rút ra từ kinh Hoa Nghiêm.

Vua rất tin lời này.

Ông mất trước năm Vĩnh Thuần (682-683).

Con của ông tên Nguyên Nhất, hiệu Hành Chân, là người có tánh ngay thẳng, học vấn uyên bác, nghe nhiều, biết rộng, trí nhớ tốt, hiểu sâu pháp yếu, cũng quy hướng Nhất thừa.

Nối nghiệp cha, Nguyên Nhất cũng lấy kinh Hoa Nghiêm làm sự nghiệp, nổi danh đương thời, là một thanh tín sĩ xuất sắc.

Việc tôn trọng, cung kính kinh Phật, chép kinh Phật một cách trân trọng đã được thể hiện từ thời xa xưa và rất đáng để chúng ta noi theo, học tập.

*** Ghi chú:** Bài viết tham khảo “Truyện Ký Kinh Hoa Nghiêm” Bản Việt dịch của Thiện Thuận - Quảng An - Viên Châu - Ngộ Bổn.

- *Sưu tầm và biên soạn: Huỳnh Thụy*

- *Sử dụng tranh minh họa Kinh Hoa Nghiêm của Guo Tu-C.T MLS*

Tác giả: **Huỳnh Thụy**